

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH D**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - E phúc**

Bản án số: **68/2019/DS - ST**
Ngày: 30-7-2019
V/v tranh chấp Đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Lập;
2. Bà Mai Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh D tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2019/TLST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 về Tranh chấp Đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXX- ST ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc A, sinh năm 1972, nơi cư trú: Tổ 45, ấp B, xã C, huyện B, tỉnh D.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1976, nơi cư trú: Tổ 27, ấp B, xã C, huyện B, tỉnh D.

Chị A, chị E có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Trần Ngọc A trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 20/01/2012 (AL) chị E có tham gia 02 phần hội, trong đây hội 1.000.000 đồng do chị làm đầu thảo hội, đây hội có 26 phần, hội mở mỗi tháng 01 lần vào ngày 20 (AL) hàng tháng. Cụ thể chị E đóng hội đến kỳ hội thứ 7 (ngày 20/6/2012 AL) và thứ 8 (ngày 20/7/2012 AL) thì chị E bỏ hội hết hai phần hội với tổng số tiền là 32.970.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 1.000.000 đồng thì chị E được thực nhận 31.970.000 đồng. Khi chị E nhận số tiền hội thì có ký tên

xác nhận vào giấy giao nhận tiền do chị viết. Kể từ ngày hốt hui cho đến khi mãn hui thì chị E còn phải đóng cho chị 35.000.000 đồng tiền hui chết nhưng cho đến nay sau nhiều lần đóng hui chị E vẫn còn nợ chị 5.800.000 đồng. Việc chị E đóng tiền hui được chị tự theo dõi và viết vào giấy nhận tiền hui do chị E ký tên xác nhận.

Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu chị E hoàn trả 7.000.000 đồng nhưng nay chị xác định chị E chỉ còn nợ 5.800.000 đồng, chị yêu cầu chị E hoàn trả cho chị số tiền trên và không có yêu cầu ai khác cùng chị E hoàn trả cho chị 5.800.000 đồng. Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là giấy biên nhận tiền hui do chị E ký tên, ghi họ tên xác nhận. Ngoài ra chị không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – Chị Nguyễn Thị E trình bày:

Chị thừa nhận chị có tham gia góp hui với chị A 02 phần hui trong dây hui 1.000.000 đồng mở ngày 20/01/2012 (AI) như chị E trình bày, chị đã hốt cả 02 phần hui vào các ngày 20/6 và 20/7/2012 (AI) và đã nhận số tiền đăng hui từ chị A là 31.970.000 đồng, chị có ký tên ghi họ tên xác nhận vào giấy biên nhận tiền với chị A khi nhận tiền hui. Kể từ ngày hốt hui chị có nghĩa vụ đóng hui chết cho đến khi hui mãn là 35.000.000 đồng, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên chị đóng hui cho chị A nhiều lần, đóng đến đến năm 2015 thì ngưng với số tiền đã đóng là 32.000.000 đồng, nay chị chỉ đồng ý hoàn trả cho chị A 3.000.000 đồng tiền nợ hui, ngoài ra không đồng ý yêu cầu nào khác của chị A.

Tại phiên toà:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Do chị Trần Ngọc A và chị Nguyễn Thị E là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Ngọc A và chị Nguyễn Thị E.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 116, 166 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc A về tranh chấp Đòi lại tài sản với chị Nguyễn Thị E. Buộc chị Nguyễn Thị E có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Ngọc A 5.800.000 đồng.

Về án phí: Chị Trần Ngọc A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Do chị Trần Ngọc A và chị Nguyễn Thị E là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Ngọc A và chị Nguyễn Thị E.

[2] Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu của chị Trần Ngọc A khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị E hoàn trả số tiền nợ hui 5.800.000 đồng thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Ngọc A cung cấp chứng cứ là giấy biên nhận tiền hui có chữ ký xác nhận của chị Nguyễn Thị E với nội dung chị E có nhận 31.970.000 đồng tiền hui từ chị A. Chị E thừa nhận có tham gia và hốt 02 phần hui 1.000.000 đồng do chị E làm đầu thảo hui vào các ngày 20/6 và 20/7/2012 (Al), đồng thời chị đã nhận số tiền 31.970.000 đồng từ việc hốt hui. Kể từ ngày hốt hui chị E có nghĩa vụ đóng hui chết cho hai phần hui với số tiền tổng cộng là 35.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị E chỉ đồng ý hoàn trả cho chị A 3.000.000 đồng trong tổng 5.800.000 đồng chị A yêu cầu do cho rằng chị đã trả cho chị A 32.000.000 đồng. Tuy nhiên ngoài trình bày thì chị A không có chứng cứ nào khác chứng minh cho việc đã trả cho chị A được 32.000.000 đồng. Do đó căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự trong vụ án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A và buộc chị E có nghĩa vụ hoàn trả cho chị A số tiền 5.800.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị A được chấp nhận nên căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị E phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116, 166 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 146, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp đòi lại tài sản của chị Trần Ngọc A và chị Nguyễn Thị E: Buộc chị Nguyễn Thị E có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Ngọc A số tiền 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị Trần Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị E chưa thi hành án xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị Nguyễn Thị E còn phải trả cho chị Trần Ngọc A thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Trần Ngọc A 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị A đã nộp theo biên lai thu số 0015419 ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh D.

3/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4/ Báo cho chị Trần Ngọc A, chị Nguyễn Thị E được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh D;
- VKSND tỉnh D;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phú Sang